

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/11/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P11+P10+P2	7:25	3+1+18	0+0+0		2+1+19	0+0+0	
2		BK6+RP2	7:25	4+18	0+0		4+18	0+0	
3		RP2+CLO	9:25	19+3	0+0		18+2	0+0	
4		RC10+RC3+P9	9:25	5+14+1	0+0+0		3+8+10	0+0+0	
5		P2+TD5	11:25	22+0	0+0		16+5	0+0	
6		CTC1+PVD8+KTRN	11:25	19+0+0	0+0+0		7+8+4	0+0+0	
7		P4+BK5+BK8	13:25	7+6+8	0+0+0		0+12+5	0+0+0	

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P11 - P10 - P2	CREW: HUNG - SON - QTRƯỜNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/4351	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐỖ VĂN PHAN	P11	45	1	5			71	KHOAN	Vietnamese
2	PHAN TRƯỜNG GIANG	P11	46-47	2	10	3	22	75	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN NAM HAI	P11	51-52	2	18			79	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY HÀ	P10	82-84	3	16	2	20	77	KHAITHAC	Vietnamese
5	DUBOV A.V.	P2	86	1	7			94	KH-THAC	Russian
6	DUƠNG XUÂN ĐIỆP	P2	78	1	5			46	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THE ANH	P2	75	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM QUỐC HIỀN	P2	79	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG MINH ĐỨC	P2	88	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN NGUYỄN BAO CHÂU	P2	87	1	2			56	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯƠNG XUÂN THAI	P2	8	1	10			71	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM NGUYỄN HOANG PHÚC	P2	77	1	4			84	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG ĐÌNH QUÊ	P2	76	1	9			88	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG THĂNG	P2						73	KH-THAC	Vietnamese
15	NHÂM ĐIỆN BIÊN	P2	82	1	3			68	NIPI	Vietnamese
16	TRẦN TRỌNG PHONG	P2	74	1	7			75	YTE	Vietnamese
17	LÊ VĂN ĐÔNG	P2	84	1	2			77	KH-THAC	Vietnamese
18	LUU VAN TU	P2	81	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
19	TẶNG MẠNH HÀ	P2	83	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAC ĐỨC HUY	P2	85	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
21	HỒ HỮU LINH	P2	89	1	4			94	KH-THAC	Vietnamese
22	K LING	P2	90	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	3	225	5	33	3	22	2		
2	P10	1	77	3	16	2	20	1		
3	P2	18	1.286	17	83	0	0	19		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.588</b>	<b>25</b>	<b>132</b>	<b>5</b>	<b>42</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.588</b>		<b>132</b>		<b>42</b>			

GRAND TOAL: 1.762 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
PHẠM THÁI SƠN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: BK6 - RP2	CREW: XHOÀN - XTRƯỜNG - TOAN	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/4355	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN VAN HONG	BK6	78	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
2	LE HUY TIEN HAI	BK6	77,94	2	15			69	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN CONG THANH	BK6	79	1	8			81	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN PHE	BK6						70	PSV	Vietnamese
5	KHALIMOV A.A	RP2	78	1	10	2	40	83	KH-THAC	Russian
6	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	88	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRỌNG HOANG	RP2	77	1	2			66	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN CÔNG HOANG	RP2	81	1	12			65	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	79-80	2	19			74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HUNG CUONG	RP2	90	1	2			86	KH-THAC	Vietnamese
11	LE LAM	RP2	98	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN NGỌC CHÍNH	RP2						76	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	92	1	9			66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRỌNG TÂN	RP2	93	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN NGON QUANG DUY	RP2	87	1	12			93	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN NGŨ	RP2	83-86	4	15			82	T-TIN	Vietnamese
17	BUI KHAC HOANG	RP2	95	1	9			61	YTE	Vietnamese
18	NGUYEN DUY HUNG	RP2	94	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HONG QUANG	RP2	82	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ ĐỨC CUONG	RP2						82	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN THIÊN PHƯỚC	RP2	89	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VIET NHUONG	RP2	91	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK6	4	284	4	30	0	0	4		
2	RP2	18	1.307	20	131	2	40	18		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.591</b>	<b>24</b>	<b>161</b>	<b>2</b>	<b>40</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.591</b>		<b>161</b>		<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN   
HÀ XUÂN TRƯỜNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: RC10 - RC3 - P9	CREW: XHOÀN - XTRƯỜNG - TOAN	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/4356	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN TÁT THÀNH	RC10	22	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
2	TẠ VĂN VIỆT	RC10	27	1	12			78	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TRUNG KIẾN	RC10						68	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG SỰ	RC10	25-26	2	17			78	CODIEN	Vietnamese
5	CHU TUẤN ANH	RC10	23-24	2	15			62	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN BÌNH LONG	RC3	30	1	10			85	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ LÊ TRUNG	RC3	35-36	2	11			65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HUY HOÀNG	RC3	26	1	6			90	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ KHÁNH NAM	RC3	27-28	2	10			83	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN HẢI VIỆT	RC3	32	1	7			92	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ TRƯỜNG CHÍNH	RC3	31	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese
12	LƯƠNG NGỌC THANH	RC3	33-34	2	14			95	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN HUY	RC3	37	1	14			77	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN NGHI	RC3	41-42	2	15			64	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC HÙNG	RC3	38	1	11			67	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM TRUNG HIỆU	RC3	39-40	2	19	3	68	71	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ BAO THANH	RC3	43-44	2	20			86	NIPI	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TRUNG (1975)	RC3	29	1	8			78	PSV	Vietnamese
19	TRẦN TỰ THIÊN	RC3	25	1	8			97	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HỘI	P9	13,99	2	20			66	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC10	5	346	6	50	0	0	3		
2	RC3	14	1.113	20	162	3	68	8		
3	P9	1	66	2	20	0	0	10		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.525</b>	<b>28</b>	<b>232</b>	<b>3</b>	<b>68</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.525</b>		<b>232</b>		<b>68</b>			

GRAND TOTAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN   
HÀ XUÂN TRƯỜNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO:RP2 - CLO	CREW: HUNG - SON - QTRƯỜNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/4352	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAN ĐỨC NGUYỄN	RP2	15	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ HỮU QUÂN	RP2	04	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG TUAN CUONG	RP2	23	1	8	1	20	75	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ HOANG CAM	RP2	07	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	20	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	16	1	4	3	60	68	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ ĐỨC LONG	RP2	08	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN HỢP	RP2	10	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
9	LÀ NGỌC MẠNH	RP2	11	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ HOANG LONG	RP2	14	1	14			85	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN VAN HOC	RP2	02-03	2	23			60	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HIỆU	RP2	06	1	6	2	29	84	NIPI	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG TÂN	RP2	05	1	10			58	PSV	Vietnamese
14	ĐÀO XUÂN THỌ	RP2	17	1	6			69	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LOAN	RP2	09	1	5			46	PSV	Vietnamese
16	VŨ VĂN TUẤN TU	RP2	12-13	2	12			71	PSV	Vietnamese
17	LÊ MINH HUY	RP2	01	1	5			75	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN HUỆ	RP2	21-22	2	19			54	T-TIN	Vietnamese
19	TRẦN VĂN KHUÔNG	RP2	18-19	2	15			79	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ THANH THAI	CLO	15	1	13			100	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ HỮU HUNG	CLO	17	1	11			73	KHOAN	Vietnamese
22	ĐẶNG MINH TUẤN	CLO	16	1	14			86	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	19	1.264	23	160	6	109	18		
2	CLO	3	259	3	38	0	0	4		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.523</b>	<b>26</b>	<b>198</b>	<b>6</b>	<b>109</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.523</b>		<b>198</b>		<b>109</b>			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
PHẠM THÁI SƠN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: HONG-3	TO: CTC1 - PVD8 - KTRN	CREW: LINH - N.CƯƠNG - THÀNH	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 06	VNHS FLIGHT: TM25/4357		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN TRUNG HIẾU	CTC1	77	1	9	1	26	86	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN THỨC	CTC1	43	1	5			83	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VĂN LY	CTC1	79	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG KHOA	CTC1	80	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯƠNG XUÂN THÀNH	CTC1	76	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN TRỌNG MẠNH	CTC1	46	1	10			60	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM BUI ĐÌNH LỘC	CTC1	78	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
8	TẠ NGỌC THANH	CTC1	85-86	2	15			71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TÂM	CTC1	81	1	15			78	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ CHÍ CÔNG	CTC1	84	1	10			53	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ THANH BÌNH	CTC1	29	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HAI HÙNG	CTC1	33,75	2	17			57	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ ĐÌNH QUANG	CTC1	49-50	2	16			54	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐẶNG BẠC THAI	CTC1	47,74	2	16			66	XAYLAP	Vietnamese
15	HOANG ĐÌNH LUẬN	CTC1	31-32	2	20			53	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH KÝ	CTC1	30	1	16			66	XAYLAP	Vietnamese
17	TẠ HỒNG QUÂN	CTC1	44	1	11	1	14	47	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ HUY	CTC1	82-83	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ TUẤN ANH	CTC1	41	1	12	1	16	73	XAYLAP	Vietnamese
20	LE TRONG HUNG	CTC1	87-88	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTC1	20	1.367	27	250	3	56	7		
2	PVD8	0	0	0	0	0	0	8		
3	KTRN	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		20	1.367	27	250	3	56	19		
WEIGHT KG			1.367		250		56			

GRAND TOAL: 1.673 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH  
PHAN NHƯ CƯƠNG





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: P2 - TD5	CREW: DƯƠNG - HTRUNG - DTÙNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/4353	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	16	1	7			59	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	54	1	4			83	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐẠI NGHĨA	P2	04	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN QUYÊN	P2	15	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN VĂN DU	P2	12	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI THỌ DUNG	P2	55	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC DU	P2	60	1	2			67	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN KHÁC CÀN	P2	09	1	10			66	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM NGUYỄN HAI NINH	P2	17,53	2	6			85	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN ĐÌNH DUNG	P2	06	1	7			62	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN VĂN TỰ	P2	07-08	2	19			66	XAYLAP	Vietnamese
12	LUONG THE MINH	P2	05	1	8			64	XAYLAP	Vietnamese
13	KOSTIKIN VITALII	P2	59	1	18			136	NIPI	Russian
14	NGUYỄN THANH TRUNG	P2	03	1	5			76	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG QUY	P2	14	1	6			73	PSV	Vietnamese
16	LÊ SINH TÂM	P2	10	1	6			98	KH-THAC	Vietnamese
17	CHU MINH PHƯƠNG	P2	61	1	7			88	KHI	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TRIỆU	P2	58	1	11			63	KHI	Vietnamese
19	VÕ VĂN HOÀ	P2	56-57	2	17			60	KHI	Vietnamese
20	NGO ĐỨC TRƯỜNG	P2	13	1	6			57	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU CHIẾN	P2	11	1	10			70	KHI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	21	1.541	24	168	0	0	16		
2	TD5	0	0	0	0	0	0	6		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.541</b>	<b>24</b>	<b>168</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.541</b>		<b>168</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.709 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YÊN

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG   
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
B.CARD: CAM-4	TO: P4 - BK5 - BK8	CREW: DƯƠNG - HTRUNG - DTÙNG	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM25/4354	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHẠM TUẤN LONG	P4	58-59	2	20			104	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN KHÁC SƠN	P4	62-63	2	19			56	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P4	60-61	2	19			62	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HỮU	P4	64-65	2	19			64	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN VĂN PHƯƠNG	P4	66-67	2	19			63	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG TUYẾN	P4	68-69	2	19			69	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU THỌ	P4	56-57	2	20			76	XAYLAP	Vietnamese
8	THAI HAI HA	BK5	34	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI TRẦN VIỆT	BK5	35	1	7	3	43	66	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN THUẬN	BK5	53	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN THANH HOANG	BK5	36	1	17			68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN SOAI	BK5	30	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG VĂN CƯỜNG	BK5	31	1	16			75	KH-THAC	Vietnamese
14	LÂM VĂN HẠNH	BK5	29	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU NGHIỆM	BK5	32	1	4			58	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TẤT HOA	BK8						80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN KHAI	BK8	71	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG SY NGOC	BK8	73	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN THANH SƠN	BK8	76	1	10	1	15	63	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN CÔNG TRI	BK8	71-72	2	14			87	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI ĐẶC CẢNH	BK8	75	1	5			68	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	7	494	14	135	0	0	0		
2	BK5	8	548	8	73	3	43	12		
3	BK8	6	436	6	46	1	15	5		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.478</b>	<b>28</b>	<b>254</b>	<b>4</b>	<b>58</b>	<b>17</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.478</b>		<b>254</b>		<b>58</b>			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

BUI HOÀNG DƯƠNG   
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG